

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 934/2017/HSPT

Ngày: 28/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thu;

Các Thẩm phán : Ông Đinh Quang Sơn;

Ông Trần Văn Tuấn.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Chu Thị Diệu, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Trung Quy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 459/2017/TLPT-HS ngày 03 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Tiến H, Nguyễn Đức T phạm tội “Mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy” do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2017/HSST ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

**** Các bị cáo kháng cáo:***

1. Nguyễn Tiến H, sinh năm 1983; nơi ĐKKHKT: Số 6 đường PCT, phường HVT, thành phố LS, tỉnh LS; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: Lớp 12/12; con ông Nguyễn Tiến S (đã chết) và bà Phạm Thị S; có vợ và có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Ngày 15/10/2001 bị Tòa án nhân dân thị xã LS, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 04 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”;

+ Ngày 29/10/2004 bị Tòa án nhân dân thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 42 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

+ Ngày 12/12/2008 bị Tòa án nhân dân thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/3/2016. Bị cáo đã chết hồi 20 giờ 55 phút ngày 30/10/2017 tại Bệnh viện phổi Trung ương. Nguyên nhân chết: Suy hô hấp, hôn mê, lao màng não, tăng natri máu, viêm phổi.

2. Nguyễn Đức T, sinh năm 1979; nơi ĐKHKT: Số 01, ngõ 01 đường MK, phường HVT, thành phố LS, tỉnh LS; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: Lớp 12/12; con ông Nguyễn Đức T và bà Vũ Thị Ch; có vợ và có 01 con sinh năm 2004;

Tiền án:

+ Ngày 01/4/2004 bị Tòa án nhân dân tỉnh LS xử phạt 30 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”;

+ Ngày 30/12/2008 bị Tòa án nhân dân thành phố LS, tỉnh LS xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/11/2015; có mặt.

*** Người bào chữa cho các bị cáo:**

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến H: Luật sư Nguyễn Xuân D - Công ty luật TNHH tập đoàn HT thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T: Luật sư Nguyễn Thế U - Văn phòng luật sư TG thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

Nhân chứng: Ma Thị V (tên gọi khác L) sinh năm 1990; trú tại: Thôn NC, xã HS, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 30 phút ngày 03/11/2015 tại dãy nhà trọ của ông Nguyễn Văn V ở khu phố VK 3, phường ĐN, thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh, Công an thị xã TS bắt quả tang Ma Thị V và Nguyễn Đức T đang thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa tinh thể màu trắng thu tại túi quần phía trước bên phải T đang mặc (ký hiệu M1);

- Thu trong túi áo khoác của T để ở ghế trước bên phụ xe ô tô BKS 29H-2683: 01 gói giấy bạc màu trắng bên trong có 02 túi nilon chứa chất bột màu trắng (ký hiệu M2);

- 02 túi nilon màu trắng bên trong đều có chứa các chất tinh thể màu trắng thu trong hộp kim loại màu vàng đặt tại chân giường phòng trọ của Ma Thị V (ký hiệu M3);

- 03 túi nilon màu xanh trong đó có 03 túi nhỏ (02 túi bên trong mỗi túi có 200 viên nén hình tròn, trong đó có 198 viên màu hồng và 02 viên màu xanh; 01 túi có 194 viên nén hình tròn trong đó có 192 viên nén màu

hồng và 02 viên nén màu xanh), thu tại trên giường phòng trọ số 02 của Ma Thị V (ký hiệu M4);

- 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa chất tinh thể màu trắng thu tại trên giường phòng trọ số 02 của Ma Thị V (ký hiệu M5);

Thu giữ của V 01 điện thoại di động màu đen, không có nhãn mác; thu giữ của T: 01 điện thoại di động màu hồng có dòng chữ “VICOOL”; 01 xe ô tô màu đỏ nhãn hiệu Toyota BKS 29H-2683; 03 con dao nhọn; 01 bình xịt hơi cay; 01 cân điện tử màu trắng; một số vỏ túi màu trắng; 01 chiếc áo khoác.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chất ma túy đối với T bộ mẫu vật đã thu giữ. Tại Bản kết luận giám định số 10202/C54 ngày 10/11/2015 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận như sau:

- Mẫu ký hiệu M1: Tinh thể màu trắng trong túi nilon có thành phần Methamphetamine, trọng lượng 4,339 gam, hàm lượng 24,5%;

- Mẫu ký hiệu M2: Chất bột màu trắng dạng cục trong 02 túi nilon đều có thành phần hêrôin, tổng trọng lượng 14,054 gam, hàm lượng 58,1%;

- Mẫu ký hiệu M3: Tinh thể màu trắng trong túi nilon có thành phần Methamphetamine, trọng lượng 0,519 gam, hàm lượng 69,7%. Không tìm thấy thành phần chất ma túy và tiền chất ma túy trong mẫu tinh thể màu trắng có trọng lượng 19.347 gam gửi giám định;

- Mẫu ký hiệu M4: Các viên nén màu hồng và màu xanh trong túi nilon có thành phần Methamphetamine, trọng lượng 53,894 gam, hàm lượng 14,9%;

- Mẫu ký hiệu M5: Tinh thể màu trắng trong túi nilon có thành phần Methamphetamine, trọng lượng 279,430 gam, hàm lượng 71,9%.

Tại Cơ quan điều tra Ma Thị V và Nguyễn Đức T khai nhận: Ma Thị V và Nguyễn Tiến H có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội từ trước. V biết H có ma túy để bán. Ngày 31/10/2015, V đang ở phòng trọ tại khu VK 3, phường ĐN, thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh thì có đối tượng tên là T (không rõ tên và địa chỉ cụ thể) hỏi mua 02 lạng ma túy đá và từ 02 đến 03 đàn ngựa (tức các viên ma túy tổng hợp) cho khách ở Hà Nội. V nói với T là có gì V sẽ báo lại. Sau đó V điện thoại cho H để đặt mua của H 02 lạng ma túy đá và 03 đàn ngựa. Trên điện thoại, H nói với V là để H kiểm tra và sẽ báo lại cho V sau. Ngày 02/11/2015, H điện thoại cho V báo có ma túy và đòi 29.000.000đ/1 lạng ma túy đá và 13.000.000đ/1 đàn ngựa (mỗi đàn ngựa là 200 viên ma túy tổng hợp), V đồng ý. V báo lại cho T là có ma túy bán và đòi giá 30.000.000 đồng/1 lạng ma túy đá và 13.000.000 đồng/1 đàn ngựa. T đồng ý và hẹn V 16 giờ ngày 03/11/2015 sẽ lấy ma túy tại phòng trọ của V.

Khoảng 20 giờ ngày 02/11/2015, H điện thoại cho T (là bạn) bảo T mang hộ H ma túy xuống bán cho V ở thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh, T đồng ý. Khoảng 23 giờ ngày 02/11/2015, H điện thoại cho T ra đường Bà Triệu, thành phố LS để nhận ma túy. T đi xe ô tô BKS 29H1-2683 ra đường Bà Triệu, tại đây, H đã đưa cho T 01 túi nylon màu đỏ và nói “Bên trong có 02 lạng ma túy đá và 03 đàn ngựa”. H bảo T mang xuống thị xã TS giao cho V và nhận tiền, xong H trả công cho T nhưng không nói là trả bao nhiêu tiền. T cầm túi ma túy H vừa đưa và để trên xe ô tô. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 03/11/2015, khi đang ở Bắc Ninh, T nhận được điện thoại của H nói 16 giờ mang ma túy đến thị xã TS cho V. H nhắn tin số điện thoại của V cho T để T liên lạc với V. T điện thoại cho V báo đã mang ma túy của H để giao cho V, hỏi địa chỉ của V. V hướng dẫn T đường đi vào nơi V đang thuê trọ ở khu VK 3, phường ĐN, thị xã TS. Khi vào phòng trọ của V, T lấy ở trong túi nylon màu đỏ ra 01 túi nylon màu trắng bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng, 03 túi nylon màu xanh bên trong có chứa các viên màu hồng và màu xanh để trên giường của V và nói với V là ma túy của H đưa cho V. Sau khi giao ma túy cho V, T đi ra xe ô tô ngồi, một lúc sau V gọi T vào trong phòng của V. Tại đây, T thấy có 03 người đàn ông (T không quen biết) đang mặc cả mua bán ma túy với V. Do chiếc cân đang dùng để mua bán ma túy bị hỏng, trên xe ô tô của T lại có cân nên T đã ra xe ô tô để lấy thì bị Công an bắt giữ. V cũng bị Công an bắt quả tang, thu giữ trên giường của V T bộ số ma túy mà T mang đến. Ngoài ra còn thu 01 hộp kim loại màu vàng trắng để dưới chân giường trong phòng trọ của V. V khai chiếc hộp đó của Nguyễn T Hùng gửi và cũng không biết hộp đó bên trong đựng gì.

Khi bắt T, Công an đã thu giữ tại túi quần phía trước bên phải T đang mặc 01 túi nylon màu trắng bên trong có chứa ma túy, thu tại túi áo khoác của T để trên xe ô tô BKS 29H-2683 01 gói giấy bạc, bên trong có chứa hêrôin của T, 03 con dao, 01 bình xịt hơi cay, 01 cân điện tử mà Cơ quan điều tra đã thu giữ. T khai nhặt được ở ngoài đường mang về và đem theo trên xe với mục đích để sử dụng cho sinh hoạt cá nhân. Còn số ma túy mà Công an thu giữ của T thì T khai mua của một số người đàn ông không biết ở khu vực Cống Trắng, huyện Cao Lộc, tỉnh LS với mục đích sử dụng cho cá nhân. Chiếc ô tô BKS29H-2683 T mượn của một người bạn tên là L ở thành phố Bắc Giang. Đây là lần đầu tiên T mang ma túy của H bán cho V.

Ngày 05/11/2015, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã TS đã cho Ma Thị V và Nguyễn Đức T nhận dạng Nguyễn Tiến H qua ảnh. V và T đã nhận ra H là người trong ảnh và đều khai H là người nhờ T mang ma túy bán cho V. Ngày 18/02/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra PC47 Công an tỉnh Bắc Ninh tiếp tục cho T và V nhận dạng H qua ảnh. T và V khai nhận H là người trong ảnh và đều khai H là người nhờ T mang ma túy bán cho V.

Đối với Nguyễn Tiến H, sau khi T và V bị bắt H bỏ trốn. Ngày 29/02/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh đã ra Quyết định khởi tố bị can Nguyễn Tiến H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và ra quyết định truy nã. Ngày 19/3/2016, H đã bị Cơ quan công an bắt giữ. Tại Cơ quan điều tra, H không thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy cùng T và V. Ngày 02/11/2015, V có điện thoại cho H hỏi mua ma túy của H, H chưa nhận lời thì T lấy máy điện thoại cho H liên lạc với V. Nội dung liên lạc như thế nào giữa V và T thì H không biết. T không thừa nhận lời khai của H.

Đối với chiếc xe ô tô Toyota màu đỏ nhãn hiệu YAZ BKS 29H-2683 thu giữ của T. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh đã xác minh BKS 29H-2683 được cấp xe cho Hợp tác xã Công nghiệp dịch vụ vận tải 204 ở 53 Cầu Đất, Hà Nội (chiếc xe nhãn hiệu YAZ, số máy 7012775, số khung 292683). Ngày 19/01/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh yêu cầu giám định cho thấy số máy, số khung nguyên thủy đối với chiếc xe này. Kết quả giám định cho thấy số máy chiếc xe ô tô thu giữ mang BKS 29H-2683 và không có số khung. Vì không thu giữ được giấy tờ xe, chưa xác định được chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách chiếc xe ô tô thu giữ của T có số máy là 3S 1240317 để giải quyết ở một vụ án khác.

Đối với 02 gói tinh thể màu trắng trong túi nilon ở trong chiếc hộp kim loại màu trắng thu giữ tại nhà V, kết quả giám định 01 túi nilon có chứa 0,519 gam có thành phần Methamphetamine, hàm lượng 69,7%; 01 túi có trọng lượng 19,347 gam không tìm thấy thành phần chất ma túy và tiền chất ma túy. Quá trình điều tra, Hùng và V không biết các túi này có ma túy. Vì vậy Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Hùng và V. Đồng thời Cơ quan điều tra cũng ra Quyết định tách số ma túy 0.519 gam có thành phần Methamphetamine nêu trên để khi nào điều tra, xác minh làm rõ được đối tượng Mạnh sẽ đề nghị xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2017/HSST ngày 12/5/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh quyết định:

- Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H 15 (Mười lăm) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 19/3/2016;

- Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194; điểm o, p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 50; Điều 53 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 15 (Mười lăm) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất

ma túy”; 07 (Bảy) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung của cả hai tội là 22 (Hai mươi hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 04/11/2015.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Ma Thị V, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 16/5/2017, bị cáo Nguyễn Tiến H kháng cáo về phần tội danh; bị cáo Nguyễn Đức T kháng cáo xin giảm hình phạt về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và kháng cáo kêu oan về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đức T giữ nguyên kháng cáo xin giảm hình phạt, tiếp tục khai nhận số ma túy giao cho Ma Thị V bị bắt quả tang chính là của bị cáo, không phải của H nhờ mang cho V như lời khai ban đầu. Lượng Hêrôin trong túi của bị cáo là để bán chứ không phải để sử dụng như bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra. Khai như vậy là do Điều tra viên đã nói với bị cáo. Bị cáo xác định H và V thỏa thuận mua bán ma túy với nhau nhưng do bị cáo đang cần tiền nên đã mang ma túy bán cho V; bị án Ma Thị V khẳng định mình chính là người giao dịch mua bán ma túy với H. V còn khai đã điện thoại nói với H về việc khi khách mua ma túy trả tiền thì bảo với T trả lại 2.000.000 đồng chênh lệch giá cho V. V cũng khẳng định những lời khai của mình tại cơ quan điều tra là đúng, khách quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa sau khi phân tích nội dung vụ án, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo đã khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Tiến H, Nguyễn Đức T và xử các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, T phạm thêm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, T thay đổi lời khai cho rằng khi T và H đi ăn, T biết H và V giao dịch mua bán ma túy. Do H không có ma túy nên T đã tự mang ma túy bán cho V. Tuy nhiên, căn cứ vào những chứng cứ cơ quan điều tra đã thu thập được, lời khai của V tại phiên tòa này, không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Tiến H. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy quyết định về phần hình sự và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nguyễn Tiến H.

Đối với kháng cáo kêu oan về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của Nguyễn Đức T là không có căn cứ. Bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, q khoản 1 Điều 46, mức án phù hợp nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T cho rằng vụ án này người phạm tội bị bắt quả tang, không phải là án truy xét. Kết luận giám định là bản sao (Bản chính bị thất lạc) là không bình thường. Nếu xét xử là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 64 Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo khai số lượng ma túy là không đúng nên không có căn cứ để đối chứng. Nếu chỉ căn cứ kết luận giám định là bản sao thì độ tin cậy không chắc chắn. Để áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo. Về phần tội danh Tòa án cấp sơ thẩm quy kết Luật sư không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét T diện ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, bị cáo, Luật sư và những người tham gia tố tụng khác; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử có các nhận định sau đây:

[1] Căn cứ lời khai của bị cáo Ma Thị V, Nguyễn Đức T tại Cơ quan điều tra và các phiên tòa, vật chứng cơ quan điều tra thu giữ được, kết luận giám định và các tài liệu khác được thu thập hợp pháp trong quá trình điều tra có đủ căn cứ để xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Ma Thị V, Nguyễn Tiến H và Nguyễn Đức T có quen biết nhau từ trước. Nguyễn Tiến H sử dụng số điện thoại 01239.625.999. Do có khách hỏi mua ma túy đá và ma túy tổng hợp nên ngày 02/11/2015, V đã liên lạc với H để hỏi việc mua, bán ma túy cho khách. H đã điện thoại cho V về có ma túy và giá cụ thể là 29.000.000 đồng/1 lạng ma túy đá; 13.000.000đồng/1đàn ngựa, V đồng ý. Khoảng 20 giờ ngày 02/11/2015, H điện thoại cho Nguyễn Hữu T bảo T mang ma túy giao cho V ở thị xã TS, Bắc Ninh, T đồng ý. Khoảng 23 giờ cùng ngày thì H giao ma túy cho T tại thành phố LS. T dùng xe ô tô mang ma túy đi TS, Bắc Ninh giao cho V. T nhận điện thoại của H báo 16 giờ ngày 03/11/2015 giao ma túy cho V. H cho T số điện thoại của V để T liên lạc. Đúng hẹn, T có mặt tại nơi V trọ. Tại đây, T đã giao cho V một túi ma túy là tinh thể màu trắng và 3 túi chứa các viên nén màu hồng và xanh và nói ma túy do H gửi đưa cho V. Khi các đối tượng mua ma túy của V đang xem xét về chất lượng, cân nặng của ma túy thì bị Công an thị xã TS bắt quả tang, Ma Thị V, Nguyễn Đức T cùng T bộ vật chứng là số ma túy T vừa giao cho V.

Ngoài ra, khi bị bắt T còn có hành vi tàng trữ 4,339 gam hàm lượng Methamphetamine là 24,5%; và 14,054 gam hàm lượng Hêrôin là 58,1%. Mục đích T tàng trữ số ma túy này để sử dụng.

[2] Lời khai nhận tội của Nguyễn Đức T, Ma Thị V tại Cơ quan điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong quá trình điều tra như: Vật chứng thu giữ được; lits điện thoại của Nguyễn Tiến H, Ma Thị V, Nguyễn Đức T; Biên bản đối chất giữa T với H, H với V. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm hôm nay, Nguyễn Đức T thay đổi lời khai cho rằng số ma túy giao cho V là của bị cáo, không liên quan đến H. Tuy nhiên, như Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá, Hội đồng xét xử thấy lời khai này của T không khách quan, không phù hợp với những chứng cứ khác nên không có căn cứ. Như vậy, Hành vi phạm tội của Nguyễn Tiến H, Nguyễn Đức T, Ma Thị V đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Với số lượng ma túy các bị cáo mua bán tính theo Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP ngày 24/12/2007 là 208,940 gam Methamphetamine thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điều khoản này để xử phạt các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến H cho rằng không phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” cùng với T, V trong trường hợp này là không có căn cứ.

Ngày 30/10/2017, bị cáo Nguyễn Tiến H đã chết tại Bệnh viện phổi Trung ương. Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT-TANDTC-VKSNDTC ngày 25/12/2000 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao “Hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự khi bị cáo đã chết trong giai đoạn xét xử phúc thẩm” xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo Nguyễn Tiến H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự là đúng, nhưng do bị cáo đã chết trong giai đoạn xét xử phúc thẩm nên căn cứ khoản 7 Điều 107; điểm d khoản 2 Điều 248 và Điều 251 Bộ luật tố tụng hình sự hủy quyết định của bản án hình sự sơ thẩm và đình chỉ vụ án về hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tiến H.

[3] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, kháng cáo xin giảm hình phạt về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi bắt quả tang Nguyễn Đức T giao ma túy cho Ma Thị V, T còn giao nộp số ma túy giấu trong túi quần, trong áo khoác trên xe ô tô cụ thể 4,339 gam hàm lượng Methamphetamine là 24,5% và 14,054 gam hàm lượng Hêrôin là 58,1%. Mục đích T tàng trữ số ma túy này là để sử dụng. Do đó, hành vi này của bị cáo đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tòa án cấp sơ thẩm đã tính tỷ lệ phần trăm hai chất ma túy mà bị cáo tàng trữ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 là 28,3% thuộc trường hợp quy định tại điểm o khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội này còn thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp

sơ thẩm đã áp dụng các điều khoản này để xử phạt bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo kháng cáo kêu oan về tội này cho rằng bị cáo mang số ma túy này đi để bán nếu có người mua. Bị cáo cũng khai tại Tòa là đã hỏi V xem còn hàng Hêrôin xem có ai mua không. Lời khai này của bị cáo không phù hợp với những chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong quá trình điều tra, không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T cho rằng các cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng bản sao Kết luận giám định là không có căn cứ vững chắc. Quan điểm này của Luật sư là không có căn cứ bởi lẽ bản sao Kết luận giám định của Cơ quan giám định có đầy đủ tính pháp lý như bản Kết luận giám định ban đầu. Luật sư đề nghị căn cứ vào Kết luận giám định này theo nguyên tắc suy đoán có lợi để giảm hình phạt cho bị cáo là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất hành vi phạm tội của bị cáo như: bị cáo có nhân thân xấu, có nhiều tiền án về các tội “Cướp giật tài sản” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” chưa được xóa án lại tiếp tục phạm nhiều tội với tính chất ngày càng nghiêm trọng hơn; tại Cơ quan điều tra, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn. Với những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đó, Tòa án cấp sơ thẩm đều ấn định mức hình phạt khởi điểm khung hình phạt mà điều luật quy định đối với bị cáo là phù hợp. Mức hình phạt đó đủ điều kiện để cải tạo giáo dục bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa chung. Tại phiên tòa phúc thẩm, không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 248; Điều 251 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến H, Nguyễn Đức T; giữ nguyên quyết định về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đức T, hủy bản án và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nguyễn Tiến H tại bản án hình sự sơ thẩm số 19/2017/HSST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, cụ thể như sau:

- Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194; điểm o, p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 50; Điều 53 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức T** 15 (Mười lăm) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; 07 (Bảy) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung của cả hai tội là 22 (Hai mươi hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 03/11/2015.

- Căn cứ khoản 7 Điều 107; điểm d khoản 2 Điều 248 và Điều 251 Bộ luật tố tụng hình sự hủy quyết định của bản án hình sự sơ thẩm và đình chỉ vụ án về hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tiến H.

2. Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu HS, PHC-TP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Thu